TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 200/2020/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 21 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 69, K, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Lê Đức T**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 10, xã C, huyện C1, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 9 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2003), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp. Nay bà Lê Thị X và ông Lê Đức T không còn tình cảm nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T xác nhận có 01 con chung và tự thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung là Lê Thùy Dương, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006 cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thùy Dương.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của bà Lê Thị X và ông Lê Đức T được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Lê Thị X và ông Lê Đức T.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị X và ông Lê Đức T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004826 ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét thấy: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc bà Lê Thị X và ông Lê Đức T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị X và ông Lê Đức T về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung".

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 69, K, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ông **Lê Đức T**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 10, xã C, huyện C1, tỉnh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T thuận tình ly hôn.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T xác nhận có 01 con chung và tự thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung là Lê Thùy Dương, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2006 cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thùy Dương.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung của bà Lê Thị X và ông Lê Đức T được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Lê Thị X và ông Lê Đức T.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị X và ông Lê Đức T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004826 ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị X và ông Lê Đức T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh T;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương